TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **22/**2017/HN-ST
Ngày: 05/01/2017
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - TP. HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Bé**
2. Ông **Nguyễn Ngọc Cảnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phan Hùng Vương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: không tham gia

Ngày 05 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi (77 Tỉnh lộ 8, khu phố 7, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 971/2016/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2016/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2016, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Trương Khắc V**, sinh năm: 1981; thường trú: ấp T, xã T, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1986; thường trú: ấp L, xã L, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: tổ 1, ấp T, xã T, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 7 năm 2016, bản tự khai ngày 28/10/2016 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Khắc V trình bày: ông và bà Nguyễn Thanh T có quá trình tìm hiểu nhau 01 năm, tự nguyện tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng từ năm 2004, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn số 25, quyển số: 01/2004 ngày 01/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Sau kết hôn, vợ chồng sống ở nhà bên chồng (ấp T, xã T, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh) đến năm 2014 bà T ra nhà trọ ở cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 4/2014 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, bà T không muốn làm dâu, có mâu thuẫn giữa nàng dâu và cha mẹ chồng, có khó khăn kinh tế, không rõ ràng về tiền bạc nên vợ chồng

thường xuyên gây gổ cải vã ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng, ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng được nữa nên ông kiên quyết ly hôn bà T để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 02 con chung tên Trương Vĩnh P, sinh ngày 21/6/2004 và Trương Thúy V, sinh ngày 21/10/2011, hiện trẻ V đang do bà T nuôi dưỡng, giáo dục, trẻ P đang do ông V nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ P, ông đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ V; hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Ông đang làm công nhân với thu nhập trung bình 06.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tự khai ngày 11/11/2016 bị đơn bà Nguyễn Thanh T trình bày: hai bên tự nguyện tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng từ năm 2004, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn số 25, quyển số: 01/2004 ngày 01/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Sau kết hôn, vợ chồng sống ở nhà bên chồng (ấp T, xã T, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh). Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không rõ ràng về tiền bạc, ông V không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng. Nay, ông V yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Về con chung: có 02 con chung tên Trương Vĩnh P, sinh ngày 21/6/2004 và Trương Thúy V, sinh ngày 21/10/2011, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Vy, bà đồng ý để ông V được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ P; hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

XÉT THẤY:

Về tố tụng: đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, hai bên có đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú ở Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, xét bà Thúy đã có tự khai rõ ràng và ngày 11/11/2016 có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Khắc V.

Về quan hệ hôn nhân: ông Trương Khắc V và bà Nguyễn Thanh T có quá trình tìm hiểu nhau 01 năm, tự nguyện tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng từ năm 2004, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn số 25, quyển số: 01/2004 ngày 01/4/2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Sau kết hôn, vợ chồng sống ở nhà bên chồng (ấp T, xã T, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh) đến năm 2014 bà T ra nhà trọ ở cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 4/2014 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, bà T không muốn làm dâu, có mâu thuẫn giữa nàng dâu và cha mẹ chồng, có khó khăn kinh tế, không rõ ràng về tiền bạc nên vợ chồng thường xuyên gây gổ cải vã ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng, ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng được nữa nên ông V kiên quyết ly hôn bà T để trả tự do cho nhau.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, ông V không muốn tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ vợ chồng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần thiết phải giải phóng hai bên khỏi cuộc hôn nhân này để hai bên có cơ hội xây dựng hạnh phúc mới nên việc ông V yêu cầu được ly hôn và bà T cũng đồng ý ly hôn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: có 02 con chung tên Trương Vĩnh P, sinh ngày 21/6/2004 và Trương Thúy V, sinh ngày 21/10/2011; ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ P, đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ V; bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ V, đồng ý để ông V được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục trẻ P; hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; xét các bên thật sự tự nguyện và cũng phù hợp nguyện vọng của trẻ Phúc thể hiện ngày 28/10/2016 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000 đồng ông Trương Khắc V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; các Điều: 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 27; khoản 1 Mục I. Án phí - Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

1.Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Khắc V. Ông Trương Khắc V được ly hôn bà Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số: 01/2004 ngày 01/4/2004 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: giao ông Trương Khắc V được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Vĩnh P, sinh ngày 21/6/2004; bà Nguyễn Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Thúy V, sinh ngày 21/10/2011. Ghi nhận sự nguyện của ông V, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Ông V, bà T có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, ông Trương Khắc V phải chịu, được cấn trừ vào tiềm tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0005146 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông V có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Dũng

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ.....phút ngày 05 tháng 01 năm 2017, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa: **Ông Võ Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Ông **Huỳnh Văn Bé**

2. Ông **Nguyễn Ngọc Cảnh**

Đã nghị án về việc "Ly hôn" thụ lý số 971/2016/TLST-HNGĐ ngày 6/10/2016.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định (3/3 thành viên) những vấn đề sau:

Áp dụng khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; các Điều: 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 27; khoản 1 Mục I. Án phí - Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

1.Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Khắc Vĩnh. Ông Trương Khắc Vĩnh được ly hôn bà Nguyễn Thanh Thúy.

Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số: 01/2004 ngày 01/4/2004 của Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

2.Về con chung: giao ông Trương Khắc Vĩnh được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Vĩnh Phúc, sinh ngày 21/6/2004; bà Nguyễn Thanh Thúy được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Thúy Vy, sinh ngày 21/10/2011. Ghi nhận sự nguyện của hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Ông Vĩnh, bà Thúy có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, ông Trương Khắc Vĩnh phải chịu, được cấn trừ vào tiềm tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0005146 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; ông Vĩnh đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Vĩnh có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Thúy vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Biên bản nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**HỘI THẨM NHÂN DÂN**	**CHỦ TỌA**
Huỳnh Văn Bé	**Nguyễn Ngọc Cảnh**	**Võ Văn Dũng**

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Dũng

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Dũng

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **HỘI THẨM NHÂN DÂN** **CHỦ TỌA**

Võ Văn Dũng

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**HỘI THẨM NHÂN DÂN**	**CHỦ TỌA**

Võ Văn Dũng

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi Cục THADS H.Củ Chi
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu VP, hồ sơ.

Võ Văn Dũng